

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: **Bính Tuất** - Thai Nguyên: **Đinh Sửu**

Thân Nhược: **Mộc** 17/50

Dụng Thần: **Mộc Thủy**



Main table showing birth details: Trụ Năm 2015, Trụ Tháng 10, Trụ Ngày 16, Trụ Giờ 18:01. Includes elemental analysis (e.g., Thương, BÍNH, MÙI, DƯƠNG) and deity information (e.g., Thiên Đức QN, Nguyệt Đức QN).

Age progression table (Đại Vận) from 0 to 11 years, detailing the dominant element (e.g., Thương, BÍNH, MÙI) and associated deities (e.g., Mộc, DƯƠNG, Q.Đới) for each age range.

Quan CANH	2070 DÂN	56 tuổi Tuyệt	⚡ Sát TÂN	2071 MÃO	57 tuổi Tuyệt	⚡ Ân NHÂM	2072 THÌN	58 tuổi Mộ	Kiều QUÝ	2073 TỶ	59 tuổi Thai	Kiếp GIÁP	2074 NGỌ	60 tuổi TỬ
--------------	-------------	------------------	--------------	-------------	------------------	--------------	--------------	---------------	-------------	------------	-----------------	--------------	-------------	---------------

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Em Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Em Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Em những vấn đề mà Quý Em đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Em hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Em không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Em dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Em nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Em cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Em đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Em mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trụ năm **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trụ tháng **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trụ ngày **Sửu Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trụ giờ **Dậu Kim** không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Át** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Bính** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Át** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Át** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Đinh Sửu (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Túc: Canh Tý (Thai túc là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai túc thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Sửu Tý này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp cung mệnh **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Em ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ năm **Át Mùi** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ tháng **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ ngày **Át Sửu** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ giờ **Át Dậu** nạp âm là **Thủy** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Át Mùi** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Bính Tuất** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Át Sửu** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Át Dậu** là Kim khắc **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này hơi xấu, nhưng sương mù che lối, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà tránh được rủi ro.

Điểm 2/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi **Át Sửu** và **Át Mùi** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi **Át Sửu** và **Bính Tuất** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Sửu Dậu này thuộc nhóm Tỵ Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

Thân Nhược: Mộc 17/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Em có Thân **Mộc** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **17/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **12/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Em là **Thân Nhược Mộc**. Để Quý Em Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân

vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Mộc thì dụng thần nên là Thủy để sinh thêm Mộc, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Em là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Em là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Em là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Em khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Em không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Mộc đều tốt cho Quý Em vì Mộc là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Mộc.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, càn khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Thủy đều tốt cho Quý Em vì Thủy là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Thủy.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Em nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo,

những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Em là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Em là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Em hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Em có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Em, ví dụ chữ dụng thần Quý Em có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Em hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Em, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Em mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Ất Mùi** bị **Tân Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Sửu**.

Trụ Tháng **Bính Tuất** bị **Nhâm Thìn** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Nhâm Thìn**.

Trụ Ngày **Ất Sửu** bị **Tân Mùi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Mùi**.

Trụ Giờ **Ất Dậu** bị **Tân Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Mão**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Em nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Em, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Em hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực

Nội Hạng	Mục sinh	Mở rộng	Cấp bằng	Khu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	T thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dày, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cằm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lạnh lẽ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dẫu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tử tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biến lộn, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phương Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Em Người Thuộc Mộc Nhược

Người Mộc suy thì tóc thưa, vóc người gầy, tính cách hẹp hòi, đố kỵ, bất nhân, bất nghĩa. Nếu người Mộc quá suy thì cũng hay mắc các bệnh như người Mộc quá vượng (bệnh về gan, mật, thận kinh hoặc xương khớp), nhưng thường dễ mắc các bệnh về gan, mật hơn người Mộc quá vượng.

Cung Mệnh ở Tuất sao Thiên Ất

Quý Em có tài nghệ thuật, tính ôn hoà.

Trụ năm của Quý Em có Tỷ

Trụ năm có tỷ kiên (tỉ) có khuynh hướng độc lập tự thân vận đò.ng.

Trụ tháng của Quý Em có Thương Quan

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiểu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

Trụ ngày của Quý Em có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khăng khải, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biểu hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Em có Tỷ Kiên

Trụ giờ có tỷ kiên (tỉ) thì con cái cương trực, thẳng thắn, hào hoa nghĩa khí. Có con cái nổi dõ. Nếu tọa dương nhần thì khác bố. Còn bản thân là người thừa kế, hoặc là con nuôi, hoặc con thừa kế.

Chi năm và chi ngày xung

Năm chi và ngày chi xung: Với người thân bất hòa.

Trong tứ trụ Quý Em có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Trong tứ trụ Quý Em có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Em hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

Tứ Trụ của Quý Em có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tứ Trụ của Quý Em có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tứ Trụ của Quý Em có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỳ không vong hình xung phá.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Kim thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Căn cứ thực tiễn, trụ ngày gặp kim thần, trường hợp trong tứ trụ thiếu hỏa khi vận nhập vào hỏa thì lập tức giàu sang. Kim không có hỏa không thể thành vũ khí, nên kim cần phải có hỏa để luyện, do đó kim gặp hành hỏa thì phát. Trong tứ trụ có hỏa, nhưng không hành hỏa thì hỏa cục ban đầu không có lực, phải gặp hỏa vận mới phát, cho nên có câu: "kim thần gặp hỏa, uy trấn biên cương" hoặc "kim thần nhập hỏa, phú quý vang xa". Kim thấy thủy thì trầm cho nên kim thần gặp thủy là gặp tai vạ. Vận đến kim thủy thì tai họa đến ngay, đi lên phương bắc là xấu, có thể tai nạn rất nặng. Kim thần gặp tài là tốt, gặp tài vận là phát. Gặp tài vận đã tốt, gặp cả hỏa nữa càng tốt hơn. Kim thần là quý cách, gặp nó người đó không giàu thì sang, thông minh hiểu học có tài, nhưng tính gấp, mạnh mẽ, khăng khăng làm một mình. Trong tứ trụ kim nhiều (hoặc nạp âm kim nhiều) thủy vượng là phá cách, chủ về họa nhiều mà thành công ít, không có tình nghĩa với lục thân, anh em chia lìa, người vất vả khổ sở.

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cấu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cấu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh. Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia. Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Em là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Em gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Em gặp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỷ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không

chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gặp vận dần mao.

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dần mao là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử mộ xem như bị khắc

Trụ năm Quý Em là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Tứ trụ Quý Em có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, thực là tổ nghiệp hưng thịnh.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đối rách.

Can năm đóng ở tử tuyệt, mộ hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huỳnh Dê

Tỉ kiếp Quý Em gặp nhiều là anh chị em đồng đúc.

Tháng và ngày Quý Em tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Trụ tháng Quý Em có thương quan là anh em bị thương tổn.

Trong Tứ trụ Quý Em ngang vai nhiều thì anh em không thân nhau.

Mệnh Quý Em gặp hoa cái là anh em ít.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Em về hôn nhân như sau.

Quý Em Nam tuổi **Ất Mùi** hợp với Nữ tuổi **Bính Thân - Đinh Dậu - Bính Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Em có thể tùy ý chọn.

Thương quan Quý Em bị thương tổn nặng, có hợp là lấy vợ, lấy chồng không cần cưới.

Quý Em có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiều loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Em Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Em có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Em là thìn tuất sửu mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Em lấy suy làm hại.

Quý Em Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ Quý Em có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Em Nam gặp tài nhiều, thân yếu, là rời quê hương lấy vợ đẹp.

Quý Em có Thương quan bị chế khắc thì vợ là người có nghĩa khí.

Quý Em Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Em có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Em có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều

được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người . Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Em Tài tinh nhập mộ thì vợ tính nhỏ nhen, quý của hơn người.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Em có tài tàng ẩn

Tài Quý Em có kho, phát tài thì có thể giữ được

Quý Em có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Em có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Trong trụ Quý Em có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Tài tinh Quý Em nhập mộ khi được xung phá thì tiền của đầy kho.

Khi đến thời vận hoặc năm xung phá Tài mộ ở tứ trụ thì phát tài, còn gọi là mở kho.

Quý Em Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân Sửu, người tị, dậu, Sửu gặp ất Mùi, người thân, tý, thìn gặp bính Tuất ; người hợi, mao, mùi gặp mậu Thìn, như thế gọi là thể tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Thương quan của ngày, giờ bị tổn thương hết thì sẽ phát tài một cách bất nghĩa.

Quý Em thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Em Trước tỉ, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Trụ ngày Quý Em là giáp ất, đến vận mà gặp dần mao thì kiếp tài phá tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Em có 1 Tài ẩn

Tứ trụ Quý Em không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Em có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

Quan Vận

Thiên Quan Quý Em có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Thất Sát Quý Em có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Em có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Em có Kim thần đới Sát, nhất định là quan quý.

Quý Em có Kim thần đới Sát, nhất định là quan quý.

Thiên Quan Quý Em bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Em Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đới Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Quý Em Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đới Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Quý Em Có Sát không có Ẩn thiếu văn tài.

Quý Em Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Quý Em có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Quý Em có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Nghề Nghiệp

Quý Em có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Em có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Em Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Em có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Em có Tài chế Thiên Ấn, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Tỷ Kiên và Kiếp Tài là hỷ dụng, hợp ngành nghề kinh doanh hùn hạp, công ty, cơ cấu có chia cổ phần, cũng có thể tay trắng làm nên.

Tỷ Kiên và Kiếp Tài là hỷ dụng, hợp ngành nghề kinh doanh hùn hạp, công ty, cơ cấu có chia cổ phần, cũng có thể tay trắng làm nên.

Quý Em có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Em có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở

vượng địa, là lộc của đình hòa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Em có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Trụ nhật Quý Em làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Em có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Em suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mao, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Em có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Cung con cái Quý Em ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Em thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Trụ giờ Quý Em ở tuyệt địa thì phải đề phòng không có người thừa tự.

Quý Em Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Quý Em Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Mao dậu đóng Quý Em ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiếng, bình thường hay lâu lỏng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Trong Tứ trụ Quý Em có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Quý Em Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Em có Tỷ kiên nhiều, cả đời ít ốm đau.

Trụ Quý Em có Thiên đức Nguyệt đức, cả đời ít bệnh.

Quý Em Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Em có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Em Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Mộc quá nhược hoặc tử tuyệt, phần nhiều bị váng đầu, hoa mắt, khí huyết không điều hòa, tóc thưa và mềm, có hiện tượng đau thần kinh, nếu nghiêm trọng sẽ đau gan, mắt, tổn thương đùi và bàn chân.

Kim thủy khô, thận hư.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tử trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Em hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiêu**(Phiên Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Em hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Em có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Em chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
Thương Dương CANH THÂN L.Quan Canh Mậu Nhâm Thương Mậu Kiếp Tài Dưỡng Q.Đới Mộ	Thương Dương CANH THÂN Dưỡng Mậu Ất Quý Kiếp Sát T.Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	Thần Tỷ Suy KỶ MUI Q.Đới Kỷ Ất Đinh Tỷ Sát Kiêu Suy Q.Đới Suy	T.Tài Dưỡng QUY DẬU Bệnh Tân Thực Mộ

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Em Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Em Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Em Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Em Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tử và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền binh”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tử kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ẩn (Chánh ẩn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ẩn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ẩn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ẩn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ẩn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghè.

Công năng của thiên ẩn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ẩn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ẩn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ẩn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ẩn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ẩn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều

kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyền, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (vợ nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phân luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Em đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Em. Quý Em có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Em.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Em Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net